

Số: 13 /TTr-HĐQT

Lào Cai, ngày 05 tháng 5 năm 2022

### TỜ TRÌNH

Về việc thông qua quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện năm 2021 của Người quản lý công ty và quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng kế hoạch năm 2022 của Người quản lý công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần  
Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 08/6/2021;

Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06/11/2019 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước do Doanh nghiệp thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 624/QĐ-UBND ngày 22/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai, phê duyệt chỉ tiêu lao động, quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2021 của người lao động, người quản lý Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Quyết định số 708/QĐ-UBND ngày 03/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai, phê duyệt Kế hoạch sử dụng lao động, quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2022 của người lao động và người quản lý Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện năm 2021 của người quản lý công ty và quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng kế hoạch năm 2022 của người quản lý công ty, như sau:

## 1. Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện năm 2021 của người quản lý công ty

### 1.1. Quỹ tiền lương, tiền thưởng thực hiện năm 2021 của người quản lý công ty chuyên trách

Đơn vị tính: Đồng.

TT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương tháng kế hoạch năm 2021	Tiền lương thực hiện năm 2021		
				Tiền lương tháng	Số tháng	Tiền lương năm
1	2	3	4	$5 = 4 \times 115\%$	6	$7 = 5 \times 6$
<b>I</b>	<b>Quỹ tiền lương</b>				<b>73,70</b>	<b>2.562.227.000</b>
1	Phạm Văn Tân	Chủ tịch HĐQT từ 01/01 đến 08/6/2021	34.763.000	39.977.450	5,27	210.790.000
		Thành viên HĐQT chuyên trách từ 08/6 đến 30/10/2021	29.612.000	34.053.800	4,73	160.982.000
2	Ngô Văn Trường	Giám đốc từ 01/01 đến 08/6/2021	33.475.000	38.496.250	5,27	202.980.000
		Chủ tịch HĐQT từ 08/6/2021	34.763.000	39.977.450	6,73	268.939.000
3	Trần Quang Toàn	Phó Giám đốc từ 16/3 đến 15/6/2021	29.612.000	34.053.800	3,02	102.902.000
		Phó Giám đốc, phụ trách Công ty từ 16/6/2021	33.475.000	38.496.250	6,50	250.226.000
4	Hoàng Văn Phụng	Phó Giám đốc	29.612.000	34.053.800	12,00	408.646.000
5	Phạm Văn Tiên	Phó Giám đốc từ 25/6/2021	29.612.000	34.053.800	6,18	210.514.000
6	Đào Thị Minh Thủy	Trưởng BKS	27.038.000	31.093.700	12,00	373.124.000
7	Đặng Văn Giáp	Kế toán trưởng	27.038.000	31.093.700	12,00	373.124.000
<b>II</b>	<b>Quỹ tiền thưởng</b>					<b>103.821.934</b>

1.2. Quỹ thù lao, tiền thưởng thực hiện năm 2021 của người quản lý công ty không chuyên trách

Đơn vị tính: Đồng.

TT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao tháng kế hoạch 2021	Thù lao thực hiện năm 2021		
				Tiền thù lao tháng	Số tháng	Tiền thù lao năm
1	2	3	4	$5 = 4 \times 115\%$	6	$7 = 5 \times 6$
<b>I</b>	<b>Quỹ thù lao</b>				<b>41,02</b>	<b>181.959.000</b>
1	Phạm Văn Tân	Thành viên HĐQT không chuyên trách từ 01/11/2021	4.518.000	5.195.700	2,00	10.391.000
2	Trần Quang Toàn	Thành viên HĐQT từ 01/01 đến 15/3/2021	4.518.000	5.195.700	2,48	12.876.000
3	Bùi Văn Tốt	Thành viên HĐQT từ ngày 01/01 đến 08/6/2021	4.518.000	5.195.700	5,27	27.396.000
4	Đặng Anh Tuấn	Thành viên HĐQT từ 08/6/2021	4.518.000	5.195.700	6,73	34.953.000
5	Phạm Văn Tiên	Thành viên BKS từ ngày 01/01 đến 08/6/2021	3.388.000	3.896.200	5,27	20.544.000
		Thành viên HĐQT từ ngày 08/6 đến 24/6/2021	4.518.000	5.195.700	0,55	2.834.000
6	Cao Xuân Hoàng	Thành viên BKS từ ngày 08/6/2021	3.388.000	3.896.200	6,73	26.211.000
7	Lê Thị Thuận	Thành viên BKS	3.388.000	3.896.200	12,00	46.754.000
<b>II</b>	<b>Quỹ tiền thưởng</b>					<b>7.181.951</b>

## 2. Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng kế hoạch năm 2022

Đơn vị tính: Đồng/tháng.

STT	Chức danh	Số người	Tiền lương/thưởng kế hoạch năm 2022	
			Tháng	Năm
<b>I</b>	<b>Người quản lý công ty chuyên trách</b>			
<b>1</b>	<b>Quỹ tiền lương</b>			<b>2.286.660.000</b>
-	Chủ tịch HĐQT	1	35.980.000	431.760.000
-	Giám đốc	1	34.647.000	415.764.000
-	Phó Giám đốc	2	30.648.000	735.552.000
-	Trưởng Ban kiểm soát	1	30.648.000	367.776.000
-	Kế toán trưởng	1	27.984.000	335.808.000
<b>2</b>	<b>Quỹ tiền thưởng</b>			<b>95.278.000</b>
<b>II</b>	<b>Người quản lý công ty không chuyên trách</b>			
<b>1</b>	<b>Quỹ thù lao</b>			<b>196.392.000</b>
-	Thành viên HĐQT	2	4.676.000	112.224.000
-	Thành viên Ban kiểm soát	2	3.507.000	84.168.000
<b>2</b>	<b>Quỹ tiền thưởng</b>			<b>8.183.000</b>

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BGĐ Công ty;
- Quý Cổ đông;
- Lưu: VT, HĐQT.  
(Tài liệu ĐHCĐ 2022).

**Ngô Văn Trường**